

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYÊN				DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI								
KHẢO SÁT NCCL KHỐI 10,11				LỚP: 11B1								
NĂM HỌC 2023 - 2024				Khóa ngày 17-23/5/2024								
TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	110428	NGUYỄN THU HOÀI AN	13/04/07	16	16	14	23					
2	110463	LÊ ĐỨC ANH	08/10/07	17	17		24	20				
3	110500	NGUYỄN ĐẠT ĐỨC ANH	12/10/07	18	18	16	25					
4	110323	PHẠM QUỲNH ANH	10/03/07	12	12	11	20					
5	110353	VŨ PHAN HOÀNG ANH	23/09/07	13	13		21	18				
6	110277	VŨ HOÀNG NGUYỆT ÁNH	24/01/07	10	10		19	17	24			
7	110581	PHẠM QUỐC BÌNH	05/01/07	21	21	18	27					
8	110150	NGUYỄN HÀ CHI	22/05/07	6	6	5		16				
9	110015	NGUYỄN MAI CHI	08/11/07	1	1	1	15					
10	110266	NGUYỄN TRƯỜNG CƯỜNG	18/12/07	10	10			17	24			
11	110549	PHÓ NHẬT CƯỜNG	01/05/07	20	20	17			25			
12	110324	ĐÀO ANH DUY	16/08/07	12	12			18	24			
13	110440	VŨ TRÍ DŨNG	28/04/07	16	16		23	20				
14	110054	NGUYỄN TUẤN DƯƠNG	24/12/07	2	2			15	23			
15	110612	PHẠM THÁI DƯƠNG	10/07/07	22	22			23	25			
16	110241	VŨ VIỆT HÀ	12/02/07	9	9	8	19					
17	110258	NINH THỊ MINH HẰNG	07/05/07	10	10			17	23			
18	110453	HOÀNG MINH HIẾU	03/04/07	17	17	15	24					
19	110314	ĐẶNG MỸ HUYỀN	30/12/07	12	12	11	20	18				
20	110125	NGUYỄN MINH HÙNG	30/07/07	5	5		16	16				
21	110387	QUÁN NAM KHÁNH	03/08/07	14	14		22	19				
22	110242	PHẠM BẢO KHOA	18/05/07	9	9		19	17				
23	110260	BÙI LÊ QUANG KHÔI	28/11/07	10	10	9	19					
24	110371	VŨ TRUNG KIÊN	16/02/07	14	14			18	24			
25	110037	PHẠM MAI LIÊN	08/02/07	2	2		15	15	23			
26	110081	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	26/03/07	3	3			15	23			
27	110205	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	04/01/07	8	8		18	16				
28	110513	BÙI DUY LONG	08/08/07	19	19		25	21				
29	110472	BÙI ĐỨC MINH	05/06/07	17	17		24	20				
30	110542	ĐÀO GIA MINH	24/09/07	20	20		26	21				
31	110035	NGUYỄN TRẦN HỒNG MINH	14/02/07	2	2			15	23			
32	110131	TRẦN THÀNH MINH	19/12/07	5	5	5	16					
33	110243	PHAN THỊ HIẾU NGÂN	27/04/07	9	9	8	19					
34	110473	LƯU MINH QUÂN	15/04/07	17	17			20	24			
35	110208	NGUYỄN HUY HOÀNG QUÝ	13/09/07	8	8		18	16				
36	110508	NGUYỄN VŨ THÁI SƠN	27/06/07	19	19		25	21				
37	110564	NGUYỄN HƯƠNG THẢO	07/02/07	21	21			22	25			
38	110633	PHẠM PHƯƠNG THẢO	23/09/07	23	23	20	28					
39	110417	VŨ PHƯƠNG THẢO	22/07/07	15	15	14	23					
40	110335	MAI ĐỨC THẮNG	20/01/07	12	12	11	21					
41	110364	PHẠM NGUYỄN THÊ THUẬN	11/09/07	13	13		22	18				
42	110336	ĐINH THỊ ANH THƯ	24/01/07	12	12	11	21					
43	110052	NGUYỄN MINH TRANG	11/11/07	2	2			15	23			
44	110273	ĐẶNG VIỆT TUẤN	27/12/07	10	10	9	19					
45	110553	BÙI SONG YÊN	20/09/07	20	20		26	21				

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 11B2

Khóa ngày 17-23/5/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	110627	BÙI NGỌC LÂM ANH	20/10/07	23	23		28	23				
2	110263	LIÊU QUANG ANH	07/03/07	10	10	9		17	23			
3	110498	NGUYỄN TRANG ANH	22/07/07	18	18	16	25	20	24			
4	110595	TRẦN BẢO MINH ANH	25/07/07	22	22		27	22	25	21		
5	110530	TRƯƠNG NGUYỄN GIA BẢO	19/08/07	19	19			21	25			
6	110441	VŨ VĂN CÔNG	03/01/07	16	16	14	23	20				
7	110630	LÊ ANH DUY	10/05/07	23	23	20	28	23				
8	110098	NGUYỄN KHẮC DUY	30/03/07	4	4	4		15	23			
9	110201	ĐINH TIẾN DŨNG	28/02/07	8	8	7	18	16				
10	110565	NGUYỄN TIẾN DŨNG	27/06/07	21	21	18	26	22				
11	110560	PHẠM QUANG DŨNG	11/11/07	20	20	18	26	22				
12	110148	CHU ĐỨC ĐẠT	28/03/07	6	6			16	23			
13	110412	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	25/07/07	15	15	14	23	19				
14	110422	NGUYỄN HÀ ANH ĐỨC	13/08/07	16	16	14	23	19				
15	110620	PHẠM NGUYỄN HẢI HẰNG	18/10/07	22	22			23	25			
16	110659	PHẠM KHẢI HOÀN	02/04/07	24	24	21	29	23				
17	110580	NGUYỄN NGỌC HUY HOÀNG	03/01/07	21	21		27	22				
18	110615	LÊ NGỌC HUY	05/05/07	22	22	19	28	23				
19	110001	ĐOÀN NGỌC HUYỀN	12/10/07	1	1		15	15				
20	110515	ĐỖ THANH HUYỀN	27/05/07	19	19	16		21	25			
21	110346	NGUYỄN PHÚC HÙNG	15/05/07	13	13	12	21	18				
22	110226	TRẦN CÔNG HÙNG	30/10/07	9	9			16	23			
23		LÊ THỊ THU HƯƠNG	12/10/07									
24	110261	VŨ THỊ PHƯƠNG LINH	17/11/07	10	10	9	19	17				
25	110356	MAI TIẾN MẠNH	04/11/07	13	13		21	18	24			
26	110360	TẠ ĐỨC MẠNH	22/01/07	13	13		21	18				
27	110503	LIÊU THANH MINH	23/10/07	18	18	16	25	21				
28	110286	NGUYỄN GIA MINH	31/07/07	11	11	10	20	17	24			
29	110566	VŨ NGUYỄN TRÀ MY	12/01/07	21	21	18	27	22				
30	110397	NGUYỄN THÀNH NAM	24/11/07	15	15		22	19				
31	110572	PHẠM ĐINH HẢI NAM	03/07/07	21	21	18	27	22				
32	110499	QUẦN BẢO NGÂN	05/04/07	18	18	16	25	20				
33	110220	LIÊU THẢO NGUYỄN	03/01/07	8	8	8	18	16	23			
34	110601	TRẦN VŨ KHÔI NGUYỄN	03/08/07	22	22		28	22	25			
35	110504	PHÍ LONG NHẬT	04/07/07	18	18	16	25	21	25	20		
36	110677	LƯƠNG XUÂN NHI	17/03/07	24	24	21	29	23				
37	110380	ĐẶNG HỒNG PHÚC	21/02/07	14	14	13	22	19				
38	110358	NGUYỄN HOÀNG MINH PHƯƠNG	07/02/07	13	13	12	21	18				
39	110222	PHẠM THANH PHƯƠNG	03/04/07	8	8		18	16	23			
40	110287	PHẠM MINH TÂM	03/09/07	11	11	10	20	17				
41	110305	BÙI HUY THẮNG	05/10/07	11	11	10	20	18	24			
42	110018	VŨ ANH THƠ	23/03/07	1	1		15	15	23			
43	110023	NGUYỄN ANH THƯ	14/09/07	1	1		15	15	23			
44	110598	ĐINH NGỌC TRÂM	01/02/07	22	22	19		22	25			
45	110140	TRẦN THU UYÊN	20/04/07	5	5		17	16				
46	110178	VŨ TRONG QUỐC VIỆT	08/06/07	7	7		17	16				

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYÊN KHẢO SÁT NCCL KHỐI 10,11 NĂM HỌC 2023 - 2024				DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI								
				LỚP: 11B3								
				Khóa ngày 17-23/5/2024								
TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	110623	BÙI ĐỨC ANH	07/09/07	23	23	20	28					
2	110200	CHU ĐỨC ANH	27/06/07	8	8	7	18	16				
3	110593	ĐỖ MINH ANH	16/05/07	22	22	19	27	22				
4	110229	ĐỖ NGUYỄN HOÀNG ANH	01/04/07	9	9	8	18	17				
5	110534	LÊ HOÀNG DUY ANH	01/10/07	19	19	17	26	21				
6	110588	NGUYỄN TĂNG TRÂM ANH	22/07/07	21	21	19	27					
7	110066	NGUYỄN VIỆT ANH	29/03/07	3	3	3	15	15				
8	110109	NGUYỄN HOÀNG MINH CHÂU	28/07/07	4	4	4	16	15				
9	110610	DƯƠNG THẢO CHI	22/05/07	22	22	19	28	22				
10	110419	TRẦN QUẾ CHI	15/11/07	15	15	14	23	19				
11	110340	LÃ MINH CHÍNH	16/04/07	13	13	11	21	18				
12	110475	TRƯƠNG THỊ MINH DIỄM	17/07/07	17	17	15	24	20				
13	110483	NGUYỄN MẠNH DUY	12/03/07	18	18	15	24	20				
14	110274	TRẦN ĐỨC DUY	27/09/07	10	10	9	19	17				
15	110597	NGÔ XUÂN DŨNG	13/01/07	22	22	19	27	22				
16	110625	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	07/12/07	23	23	20	28	23				
17	110669	NGUYỄN THẾ DƯƠNG	31/07/07	24	24	21	29					
18	110619	NGUYỄN HẢI HÀ	08/02/07	22	22	20	28					
19	110055	NGUYỄN TRẦN MINH HÀ	08/12/07	2	2	2	15	15				
20	110202	VŨ BẢO HÀ	25/08/07	8	8	7	18	16				
21	110604	LÊ THỊ MINH HẰNG	06/11/07	22	22	19	28	22				
22	110465	NGUYỄN MINH HIẾU	14/07/07	17	17	15	24	20				
23	110561	TRẦN XUÂN HUY	06/02/07	20	20	18	26					
24	110375	VŨ TRỌNG HUY	20/06/07	14	14	12	22	18				
25	110231	LÊ KHÁNH HUYỀN	25/11/07	9	9	8	18	17				
26	110378	NGUYỄN HOÀNG LÂM	17/11/07	14	14	13	22	19				
27	110510	PHẠM NGUYỄN HOÀNG LINH	04/10/07	19	19	16	25					
28	110663	QUẢN PHƯƠNG LINH	22/11/07	24	24	21	29	23				
29	110450	BÙI THÀNH LONG	18/01/07	17	17	15	24	20				
30	110303	LƯU THANH MAI	22/02/07	11	11	10	20	17				
31	110576	NGUYỄN NHẬT MINH	03/01/07	21	21	18	27	22				
32	110651	PHẠM NGUYỄN ANH MINH	15/02/07	24	24	21	29	23				
33	110668	PHẠM QUANG MINH	07/10/07	24	24	21	29	23				
34	110583	TÔ DUY MINH	20/01/07	21	21	18	27	22				
35	110516	TRƯƠNG QUANG MINH	11/01/07	19	19	17	25	21				
36	110167	VŨ NGUYỄN GIA MINH	30/10/07	6	6	6	17	16				
37	110608	VŨ BÙI HÀ MY	14/05/07	22	22	19	28	22				
38	110031	NGUYỄN THÚY NGỌC	25/01/07	2	2	1	15	15				
39	110666	NGUYỄN GIA PHÚC	19/04/07	24	24	21	29	23				
40	110403	NGUYỄN HỮU PHÚC	24/07/07	15	15	13	22	19				
41	110547	PHẠM HIẾU SƠN	15/12/07	20	20	17	26					
42	110471	PHẠM MINH SƠN	10/12/07	17	17	15	24	20				
43	110480	TRẦN GIANG SƠN	26/07/07	18	18	15	24					
44	110466	NGUYỄN HOÀNG MINH TRANG	15/09/07	17	17	15	24					
45	110159	VŨ QUỲNH TRANG	21/09/07	6	6	6	17					
46	110544	ĐÌNH NGỌC BẢO TRẦN	08/01/07	20	20	17	26					
47	110110	TRẦN ĐỨC TRÍ	26/09/07	4	4	4	16					
48	110505	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	22/09/07	18	18	16	25	21				
49	110285	NGÔ DOÃN NAM TRƯỜNG	11/07/07	11	11	10	20	17				
50	110438	NGUYỄN THỊ NGỌC UYÊN	12/06/07	16	16	14	23					

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYÊN KHẢO SÁT NCCL KHỐI 10,11 NĂM HỌC 2023 - 2024				DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI								
				LỚP: 11B4								
				Khóa ngày 17-23/5/2024								
TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	110337	BÙI VŨ ĐỨC ANH	10/07/07	13	13	11	21	18		19		
2	110238	LÊ MAI ANH	26/11/07	9	9	8	19	17		18		
3	110326	NGUYỄN THỊ HẢI ANH	14/04/07	12	12	11	20	18		19		
4	110124	VŨ HỒNG ANH	03/05/07	5	5	4	16	16		17		
5	110354	NGUYỄN LÊ NGỌC ÁNH	20/11/07	13	13	12	21	18		19		
6	110448	PHẠM HẢI BÌNH	04/06/07	16	16	15	23	20		20		
7	110279	BÙI NGUYỄN MINH CHÂU	04/02/07	10	10	9	19	17		18		
8	110004	NGUYỄN QUỲNH CHI	25/02/07	1	1	1	15	15		16		
9	110302	PHẠM MAI KHÁNH CHI	06/07/07	11	11	10	20	17		19		
10	110611	NGUYỄN MINH DŨNG	14/10/07	22	22	19	28	23		21		
11	110240	PHẠM TIẾN DŨNG	15/08/07	9	9	8	19	17		18		
12		NGUYỄN NHẬT DƯƠNG	13/08/07									
13	110501	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	06/08/07	18	18	16	25	21		20		
14	110114	NGUYỄN MINH ĐẠT	21/04/07	5	5	4	16	15		17		
15	110525	NINH VĂN ĐẠT	31/08/07	19	19	17	25	21		20		
16	110249	TRẦN THÀNH ĐẠT	08/01/07	9	9	8	19	17		18		
17	110325	ĐOÀN NGỌC VÂN HẬU	11/12/07	12	12	11	20	18		19		
18	110157	BÙI NGỌC HIẾU	25/04/07	6	6	5	17	16		17		
19	110457	TRIỆU GIA HIỀN	10/05/07	17	17	15	24	20		20		
20	110355	ĐOÀN GIA HUY	15/12/07	13	13	12	21	18		19		
21	110409	NGUYỄN DUY HUNG	26/11/07	15	15	13	23	19		20		
22	110541	VƯƠNG TUẤN HUNG	13/02/07	20	20	17	26	21		21		
23	110053	PHẠM THỊ MINH KHUÊ	07/02/07	2	2	2	15	15		16		
24	110298	PHẠM ĐỖ NGỌC LÂM	29/06/07	11	11	10	20	17		18		
25	110158	ĐOÀN ĐỨC MẠNH	25/04/07	6	6	5	17	16		17		
26	110212	BÙI BÌNH MINH	15/03/07	8	8	7	18	16		18		
27	110233	BÙI ĐẮC MINH	12/02/07	9	9	8	18	17		18		
28	110149	NGUYỄN TRỌNG NHẬT MINH	14/09/07	6	6	5	17	16		17		
29	110543	TRẦN QUANG MINH	20/03/07	20	20	17	26	21		21		
30	110357	ĐOÀN TRẦN HẢI NAM	16/06/07	13	13	12	21	18		19		
31	110392	MAI HOÀNG NGUYỄN	30/06/07	14	14	13	22	19		19		
32	110539	MAI UYÊN NHI	07/02/07	20	20	17	26	21		21		
33	110379	ĐÀO TUẤN PHONG	06/04/07	14	14	13	22	19		19		
34	110366	LÊ THỊ HÀ PHƯƠNG	02/12/07	14	14	12	22	18		19		
35	110405	NGUYỄN MINH QUYỀN	01/10/07	15	15	13	22	19		20		
36	110554	DƯƠNG KHẮC TUẤN SANG	01/02/07	20	20	18	26	21		21		
37	110359	NGUYỄN MINH THANH	05/11/07	13	13	12	21	18		19		
38	110344	ĐÌNH NGUYỄN MINH TRANG	07/07/07	13	13	12	21	18		19		
39	110486	NGÔ HUYỀN TRANG	20/04/07	18	18	16	25	20		20		
40	110130	VŨ NGỌC BẢO TRÂM	04/12/07	5	5	5	16	16		17		
41	110228	LÊ TRẦN THÀNH TRUNG	26/04/07	9	9	8	18	17		18		
42	110062	NGUYỄN ĐÌNH TUẤN	05/01/07	3	3	2	15	15		16		
43	110036	NGUYỄN LÊ HOÀNG TUẤN	29/12/07	2	2	2	15	15		16		
44	110559	PHẠM ANH TÙNG	18/11/07	20	20	18	26	22		21		
45	110345	VŨ QUÝ TÙNG	04/07/07	13	13	12	21	18		19		
46	110386	PHẠM TỔ UYÊN	08/09/07	14	14	13	22	19		19		
47	110512	VŨ ĐAN VI	04/12/07	19	19	16	25	21		20		
48	110410	PHAN HẢI VINH	23/09/07	15	15	13	23	19		20		

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYÊN KHẢO SÁT NCCL KHỐI 10,11 NĂM HỌC 2023 - 2024				DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI								
				LỚP: 11B5								
				Khóa ngày 17-23/5/2024								
TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	110522	ĐỖ HỒNG AN	20/06/07	19	19		25	21				
2	110456	ĐÀO MAI ANH	13/11/07	17	17		24	20				
3	110602	LÊ QUỲNH ANH	23/06/07	22	22	19	28	22				
4	110464	LƯU QUANG NAM ANH	14/11/07	17	17		24	20				
5	110418	NGUYỄN HẢI ANH	04/01/07	15	15	14	23	19				
6	110654	NGUYỄN NHẬT ANH	09/10/07	24	24		29	23				
7	110113	PHẠM QUỲNH ANH	18/06/07	5	5		16	15				
8	110617	VŨ QUỲNH ANH	01/04/07	22	22	20		23				
9	110567	HÀ MINH CÔNG	08/01/07	21	21	18	27					
10	110029	VŨ THÀNH CÔNG	25/03/07	2	2	1	15	15				
11	110388	ĐỖ TÙNG DƯƠNG	09/08/07	14	14		22	19				
12	110449	LƯƠNG TIẾN ĐẠT	20/04/07	17	17		23	20				
13	110389	NGUYỄN HỮU TIẾN ĐẠT	10/08/07	14	14	13	22	19				
14	110523	TRẦN LÊ TRỌNG ĐỨC	31/08/07	19	19		25	21				
15	110384	HOÀNG TRUNG HẢI	05/11/07	14	14		22	19				
16	110661	LƯƠNG MINH HẰNG	12/06/07	24	24	21		23				
17	110420	NGUYỄN THỊ DIỆU HÂN	26/05/07	15	15		23	19				
18	110648	NGHIÊM TRUNG HIẾU	01/09/07	23	23		29	23				
19	110594	NGUYỄN QUỐC HIẾU	09/10/07	22	22	19	27					
20	110573	NGUYỄN MINH HIỀN	20/10/07	21	21	18	27					
21	110477	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA	18/03/07	18	18	15	24	20				
22	110655	HOÀNG GIA HUY	24/05/07	24	24	21	29	23				
23	110251	ĐOÀN VIỆT HÙNG	09/07/07	9	9	8	19	17				
24	110600	LÊ ĐẶNG GIA HƯNG	18/08/07	22	22	19	28	22				
25	110607	LÊ BẢO KHANH	01/07/07	22	22		28	22				
26	110574	ĐẶNG HẢI LINH	10/05/07	21	21		27	22				
27	110528	HOÀNG THỊ KHÁNH LINH	01/02/07	19	19		26	21				
28	110629	LÊ PHƯƠNG MINH	18/11/07	23	23	20	28	23				
29	110575	NGUYỄN ĐỨC MINH	08/09/07	21	21	18	27					
30	110470	NGUYỄN THÀNH NAM	18/04/07	17	17	15	24					
31	110304	NGÔ HÂN NGHI	25/01/07	11	11	10	20	18				
32	110429	ĐÀM YẾN NHI	26/08/07	16	16		23	19				
33	110421	HOÀNG DIỆP NHI	18/09/07	16	16		23	19				
34	110227	LÊ THỊ TÂM NHƯ	20/02/07	9	9		18	17		18		
35	110128	HOÀNG TUẤN PHONG	25/11/07	5	5		16	16				
36		NGUYỄN NHẬT PHONG	27/03/07									
37	110632	NGUYỄN TRỌNG PHÚ	02/01/07	23	23	20	28					
38	110658	NGUYỄN MAI PHƯƠNG	24/10/07	24	24	21	29	23				
39	110589	PHẠM MAI PHƯƠNG	13/10/07	21	21	19	27	22				
40	110639	HÀ CÔNG QUYÊN	15/08/07	23	23	20	29					
41	110174	PHẠM ĐỨC SÁNG	22/10/07	7	7		17	16				
42	110262	ĐOÀN HỒNG MINH TÂM	01/10/07	10	10	9	19					
43	110557	PHẠM MINH TÂM	19/08/07	20	20	18	26					
44	110022	QUÁCH ĐỨC THÀNH	08/11/07	1	1		15	15				
45	110558	QUẢN HỮU TIẾN	12/09/07	20	20	18	26	22				
46	110097	CAO THU TRANG	20/03/07	4	4		16	15				
47	110292	ĐẶNG HÀ TRANG	27/12/07	11	11	10	20					
48	110492	TRẦN NGUYỄN MAI TRANG	31/05/07	18	18	16	25	20				
49	110506	PHAN ĐÀM PHƯƠNG UYÊN	10/05/07	19	19		25	21				

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 11B6

Khóa ngày 17-23/5/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	110587	LÊ ĐỨC ANH	27/04/07	21	21	19		22	25			
2	110108	LÊ PHƯƠNG ANH	18/10/07	4	4			15	23			
3	110621	NGUYỄN QUỲNH ANH	08/07/07	22	22		28		25			
4	110439	PHAN MINH ANH	26/08/07	16	16			20	24			
5	110644	VŨ MINH ANH	04/12/07	23	23			23	25			
6	110474	NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH	08/02/07	17	17		24	20	24			
7	110334	NGUYỄN QUỐC BẢO	19/07/07	12	12	11	21	18	24			
8	110442	BÙI NGỌC DIỆP	28/09/07	16	16			20	24			
9	110141	LÊ MAI DIỆP	03/01/07	6	6	5	17	16	23			
10	110225	PHẠM THÙY DƯƠNG	11/06/07	9	9	8	18		23			
11	110368	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	12/01/07	14	14	12			24			
12	110259	LÊ MAI HUYỀN HÂN	30/07/07	10	10			17	23			
13	110636	ĐOÀN DUY HIẾU	12/01/07	23	23	20	28					
14	110672	LÊ NGỌC KHÁNH	27/11/07	24	24	21			25			
15	110376	NGUYỄN NGỌC KHÁNH	17/09/07	14	14		22	19	24			
16	110377	TRẦN NGỌC KHÁNH	15/09/07	14	14	13		19	24			
17	110571	TRẦN VĂN KHÁNH	29/12/07	21	21		27	22	25			
18	110591	NGUYỄN HUYỀN LINH	20/12/07	21	21	19	27		25			
19	110444	NGUYỄN KHÁNH LINH	11/12/07	16	16		23	20	24			
20	110665	TRẦN KHÁNH LINH	29/12/07	24	24		29	23				
21	110028	VŨ THỂ LUÂN	03/11/07	1	1	1	15	15	23			
22	110207	BÙI NGỌC MINH	18/11/07	8	8	7	18	16				
23	110524	LÊ THỊ NGỌC MINH	24/07/07	19	19		25	21	25			
24	110649	LÊ PHẠM HÀ MY	23/11/07	23	23			23	25			
25	110219	PHẠM KHÁNH NAM	08/10/07	8	8	8	18	16	23			
26	110415	VŨ NGỌC PHONG	17/10/07	15	15		23	19	24			
27	110628	ĐÀO THỊ MINH PHƯƠNG	14/07/07	23	23		28	23				
28	110077	ĐỖ MINH PHƯƠNG	28/04/07	3	3	3	16	15	23			
29	110236	LÊ MINH SƠN	26/08/07	9	9		18	17	23			
30	110416	VŨ THỊ HOÀNG THANH	03/07/07	15	15		23	19	24			
31	110461	VŨ TRẦN ĐỨC THÀNH	05/05/07	17	17		24	20	24			
32	110509	LÊ PHƯƠNG THẢO	02/08/07	19	19			21	25			
33	110546	NGUYỄN ANH THU	07/01/07	20	20	17	26	21	25			
34	110288	NGÔ DUY TÙNG	14/09/07	11	11	10	20		24			
35	110673	LÊ PHƯƠNG UYÊN	17/08/07	24	24	21	29	23	25			
36	110322	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	22/01/07	12	12		20	18	24			
37	110247	CHU ĐỨC VƯỢNG	09/04/07	9	9	8	19					
38	110676	PHAM NGOC YÊN	13/02/07	24	24			23	25			

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYÊN KHẢO SÁT NCCL KHỐI 10,11 NĂM HỌC 2023 - 2024				ĐANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI LỚP: 11B7 Khóa ngày 17-23/5/2024								
TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	110056	PHẠM THÁI AN	31/07/07	2	2	2	15					
2	110293	CÁP QUỲNH ANH	18/01/07	11	11	10	20					
3	110078	ĐẶNG QUANG ANH	11/01/07	3	3	3	16					
4	110484	ĐINH VŨ PHƯƠNG ANH	08/02/07	18	18	16	25					
5	110184	HOÀNG PHƯƠNG ANH	25/01/07	7	7	6	18					
6	110003	LÊ HÀ ANH	05/11/07	1	1	1	15					
7	110264	NGUYỄN TÚ ANH	16/11/07	10	10	9	19					
8	110645	TRẦN NGUYỄN HOÀNG ANH	26/03/07	23	23	20	29					
9	110239	VŨ PHƯƠNG ANH	06/12/07	9	9	8	19					
10	110265	ĐỖ THỊ HỒNG ÁNH	16/03/07	10	10	9	19					
11	110646	DIỆP THIÊN BẢO	29/08/07	23	23	20	29					
12	110548	NGUYỄN TRỌNG TRUNG BẮC	21/12/07	20	20	17	26					
13	110295	NGUYỄN MINH CHÂU	20/09/07	11	11	10	20					
14	110185	BÙI THỊ DIỆP CHI	30/07/07	7	7	6	18					
15	110186	BÙI PHÚC ĐIỀN	16/10/07	7	7	6	18					
16	110675	LÊ HOÀNG MINH HIẾU	12/10/07	24	24	21	29					
17	110067	VŨ TRUNG HIẾU	02/01/07	3	3	3	15					
18	110369	PHẠM THU HIỀN	17/03/07	14	14	12	22					
19	110134	ĐÀO MINH HỒNG	26/08/07	5	5	5	17			17		
20	110099	NGUYỄN HỮU HOÀNG HUY	12/09/07	4	4	4	16					
21	110281	PHẠM NGUYỄN GIA KHÁNH	07/02/07	11	11	9	19					
22	110370	ĐỖ ĐỨC KHÔI	26/10/07	14	14	12	22					
23	110616	HOÀNG NGỌC LAM	13/03/07	22	22	20	28					
24		NGUYỄN DƯ LUÂN	21/03/07									
25	110592	BÙI HOÀNG NHẬT MINH	17/07/07	21	21	19	27					
26	110145	TRẦN TUẤN MINH	04/01/07	6	6	5	17					
27	110577	PHẠM THỊ HÀ MY	11/06/07	21	21	18	27					
28	110127	NGUYỄN HOÀI NAM	16/09/07	5	5	4	16					
29	110071	TRẦN HẢI NAM	14/04/07	3	3	3	16					
30	110060	CAO KHÁNH NGỌC	27/11/07	3	3	2	15					
31	110343	NGUYỄN LÊ MINH NGỌC	07/12/07	13	13	12	21					
32	110393	VŨ PHẠM THẢO NGUYỄN	14/01/07	15	15	13	22					
33	110046	CHU TUẤN PHONG	19/12/07	2	2	2	15					
34	110282	VŨ THUẬN PHONG	07/08/07	11	11	9	20					
35	110182	ĐOÀN THỊ MINH PHƯƠNG	12/07/07	7	7	6	18					
36	110195	NGUYỄN NGỌC QUANG	25/12/07	7	7	7	18					
37	110255	ĐỖ MINH QUÂN	19/01/07	10	10	9	19					
38	110301	LƯƠNG PHÚC THÀNH	21/08/07	11	11	10	20					
39	110584	BÙI ĐỨC THUẬN	06/11/07	21	21	19	27					
40	110027	DƯƠNG THÙY TRANG	23/06/07	1	1	1	15					
41	110211	ĐỖ MAI TRANG	05/07/07	8	8	7	18					
42	110462	LƯƠNG NGỌC MINH TRANG	20/02/07	17	17	15	24					
43	110176	TRẦN THÙY TRANG	28/07/07	7	7	6	17					
44	110321	VŨ HỒNG MINH TRANG	09/12/07	12	12	11	20					
45	110385	LÊ MINH TRÍ	04/05/07	14	14	13	22					
46	110087	NGUYỄN THÀNH TRUNG	04/08/07	4	4	3	16					
47	110491	TRẦN CÁT ANH TÚ	02/11/07	18	18	16	25					
48	110540	PHAN HÀ VI	23/03/07	20	20	17	26					
49	110177	ĐÀO QUANG VINH	09/08/07	7	7	6	17					
50	110452	ĐINH THỊ THÚY VY	15/02/07	17	17	15	24					

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYÊN KHẢO SÁT NCCL KHỐI 10,11 NĂM HỌC 2023 - 2024				DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI								
				LỚP: 11B8								
				Khóa ngày 17-23/5/2024								
TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	110430	PHẠM VĂN AN	15/08/07	16	16	14	23			20		
2	110622	TRẦN MAI AN	27/09/07	23	23	20	28			21		
3	110634	TRƯƠNG THỊ QUÂN ANH	27/05/07	23	23	20	28			21		
4	110057	NGUYỄN THỊ MINH ÁNH	08/02/07	3	3	2	15			16		
5	110064	LÊ HƯƠNG GIANG	06/02/07	3	3	2	15			16		
6	110151	NGUYỄN PHƯƠNG GIANG	09/08/07	6	6	5	17			17		
7	110280	NGUYỄN THỊ GIANG	30/11/07	10	10	9	19			18		
8	110476	TRỊNH NGUYỄN GIA HÂN	05/11/07	17	17	15	24			20		
9	110433	ĐOÀN QUANG HUY	02/12/07	16	16	14	23			20		
10	110103	ĐẶNG NGỌC HUYỀN	06/04/07	4	4	4	16			17		
11	110640	NGUYỄN QUANG HÙNG	05/12/07	23	23	20	29			21		
12	110152	DƯƠNG QUỲNH HƯƠNG	13/02/07	6	6	5	17			17		
13	110348	TRỊNH THỊ THU HƯƠNG	07/11/07	13	13	12	21			19		
14	110126	MAI THU HƯỜNG	06/06/07	5	5	4	16			17		
15	110010	VŨ HOÀNG MỘC HOA LÊ	21/08/07	1	1	1	15			16		
16	110269	CHU QUÝ MỸ LINH	06/04/07	10	10	9	19			18		
17	110191	NGUYỄN VŨ THỦY LINH	29/09/07	7	7	7	18			18		
18	110135	VŨ KHÁNH LINH	08/09/07	5	5	5	17			17		
19	110537	VŨ HẢI LONG	08/11/07	20	20	17	26			21		
20	110533	DƯƠNG QUANG MINH	06/08/07	19	19	17	26			21		
21	110361	NGUYỄN NGỌC BẢO MINH	19/10/07	13	13	12	21			19		
22	110121	NGUYỄN TUẤN MINH	06/03/07	5	5	4	16			17		
23	110641	NGUYỄN TUẤN MINH	18/09/07	23	23	20	29			21		
24	110459	PHẠM MINH THẢO MY	24/07/07	17	17	15	24			20		
25	110020	ĐỖ ĐỨC NAM	29/05/07	1	1	1	15			16		
26	110538	KHÚC THIÊN NGÂN	19/10/07	20	20	17	26			21		
27	110545	TẠ THU NGÂN	29/09/07	20	20	17	26			21		
28	110147	TRẦN BẢO NGỌC	01/03/07	6	6	5	17			17		
29	110570	VŨ THỊ QUỲNH NGỌC	05/01/07	21	21	18	27			21		
30	110653	PHAN BÙI THẢO NGUYỄN	14/09/07	24	24	21	29			21		
31	110635	NGUYỄN PHƯƠNG NHI	15/10/07	23	23	20	28			21		
32	110072	PHẠM HẢI HƯƠNG NHI	17/10/07	3	3	3	16			17		
33	110482	PHẠM VŨ LINH NHI	09/07/07	18	18	15	24			20		
34	110647	PHẠM VŨ YẾN NHI	26/10/07	23	23	20	29			21		
35	110138	TRẦN THIÊN NHI	30/12/07	5	5	5	17			17		
36	110626	LƯU GIA PHÚC	09/04/07	23	23	20	28			21		
37	110579	VŨ HỒNG PHÚC	13/08/07	21	21	18	27			21		
38	110643	CAO THU PHƯƠNG	19/08/07	23	23	20	29			21		
39	110271	TRẦN MAI PHƯƠNG	13/08/07	10	10	9	19			18		
40	110165	TRẦN THỊ MAI PHƯƠNG	05/12/07	6	6	6	17			17		
41	110451	VŨ HÀ PHƯƠNG	29/04/07	17	17	15	24			20		
42	110404	NGUYỄN MINH QUÂN	26/02/07	15	15	13	22			19		
43	110394	LẠI ĐAN TÂM	02/04/07	15	15	13	22			19		
44	110154	ĐINH XUÂN THÀNH	10/08/07	6	6	5	17			17		
45	110175	PHẠM PHƯƠNG THẢO	18/04/07	7	7	6	17			18		
46	110210	BÙI HƯƠNG THỦY	30/08/07	8	8	7	18			18		
47	110051	TẠ HỒNG ANH THƯ	07/09/07	2	2	2	15			16		
48	110407	NGUYỄN NGỌC DIỆP TRẦN	30/08/07	15	15	13	22			20		
49	110088	ĐÀO PHƯƠNG UYÊN	11/11/07	4	4	3	16			17		
50	110311	TRẦN ĐỨC VIỆT	27/05/07	12	12	10	20			19		

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI
LỚP: 11B8
Khóa ngày 17-23/5/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
51	110312	TỔNG MINH Ý	10/07/07	12	12	10	20			19		

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYÊN KHẢO SÁT NCCL KHỐI 10,11 NĂM HỌC 2023 - 2024				DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI								
				LỚP: 11B9								
				Khóa ngày 17-23/5/2024								
TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	110652	ĐÀM THỊ MAI ANH	15/08/07	24	24	21	29					
2	110671	NGUYỄN NHẬT TÂM ANH	01/01/08	24	24	21	29					
3	110556	PHẠM QUỲNH ANH	12/10/07	20	20	18	26					
4	110468	LÊ QUỲNH CHI	07/12/07	17	17	15	24					
5	110313	VŨ THỊ KHÁNH CHI	19/11/07	12	12	11	20					
6	110624	ĐỖ HOÀNG DUY	23/06/07	23	23	20	28					
7	110443	ĐỖ MẠNH DŨNG	26/10/07	16	16	14	23					
8	110514	NGUYỄN THÀNH ĐẠT	25/01/07	19	19	16	25					
9	110117	PHẠM TIẾN ĐẠT	04/02/07	5	5	4	16					
10	110069	PHẠM TRỌNG HOÀNG ĐẠT	17/08/07	3	3	3	16					
11	110250	ĐỖ THẾ ĐỨC	05/01/08	9	9	8	19					
12	110660	NGUYỄN HƯƠNG GIANG	08/07/07	24	24	21	29					
13	110383	PHẠM THỊ HƯƠNG GIANG	13/07/07	14	14	13	22					
14	110502	HOÀNG QUỲNH HÀ	22/05/07	18	18	16				20		
15	110327	HOÀNG THU HÀ	01/02/07	12	12	11	21					
16	110161	NGÔ VIỆT HÀ	11/04/07	6	6	6	17					
17	110045	NGUYỄN TRUNG HIẾU	18/10/07	2	2	2	15					
18	110454	HOÀNG LÊ AN HUY	17/08/07	17	17	15	24					
19	110414	PHAN QUANG HUY	18/12/07	15	15	14	23					
20	110119	NGUYỄN THU HUYỀN	17/03/07	5	5	4	16					
21	110297	PHẠM THANH HUYỀN	24/10/07	11	11	10	20					
22	110330	NGUYỄN THỊ VÂN KHÁNH	21/06/07	12	12	11	21					
23	110120	VŨ DUY KHÁNH	11/01/07	5	5	4	16					
24	110638	ĐOÀN BẢO KHÔI	13/11/07	23	23	20	28					
25	110435	NGUYỄN TÙNG LÂM	07/08/07	16	16	14	23					
26	110026	HÀ THẢO LINH	21/07/07	1	1	1				16		
27	110532	MAI THẢO LINH	16/09/07	19	19	17	26					
28	110436	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	05/11/07	16	16	14	23					
29	110171	PHẠM LƯƠNG DIỆU LINH	10/01/07	7	7	6	17					
30	110059	PHI HOÀNG LINH	14/12/07	3	3	2	15					
31	110670	LÊ THÁI LONG	24/04/07	24	24	21	29					
32	110496	LÊ TRẦN NHẬT LONG	03/01/07	18	18	16				20		
33	110105	TRỊNH GIA LONG	03/06/07	4	4	4	16					
34	110511	ĐƯƠNG HỒNG MINH	02/10/07	19	19	16	25					
35	110551	ĐỒNG ĐĂNG MINH	19/02/07	20	20	18	26					
36	110391	NGUYỄN HỮU ĐỨC MINH	26/08/07	14	14	13	22					
37	110234	NGUYỄN TUẤN MINH	22/08/07	9	9	8	18					
38	110362	NGUYỄN TRẦN KHÁNH NGÂN	03/08/07	13	13	12	21					
39	110173	NGUYỄN TRẦN KIM NGÂN	05/11/07	7	7	6	17					
40	110373	PHẠM YẾN NHI	21/03/07	14	14	12				19		
41	110596	TRẦN VŨ NHƯ QUỲNH	04/12/07	22	22	19	27					
42	110520	TRẦN THANH SƠN	28/12/07	19	19	17	25					
43	110139	VŨ NGUYỄN NGỌC TÂM	26/04/07	5	5	5	17					
44	110291	NGUYỄN ANH THƯ	15/11/07	11	11	10	20					
45	110667	BÙI ĐOÀN ANH TUẤN	31/03/07	24	24	21	29					
46	110603	PHẠM LÂM DIỆU TÚ	13/07/07	22	22	19	28					
47	110235	PHẠM TÚ UYÊN	21/09/07	9	9	8	18					
48	110507	BÙI KHÁNH VY	29/12/07	19	19	16	25					

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYÊN KHẢO SÁT NCCL KHỐI 10,11 NĂM HỌC 2023 - 2024				DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI								
				LỚP: 11B10								
				Khóa ngày 17-23/5/2024								
TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	110555	LÊ ĐỨC ANH	10/09/07	20	20	18	26				20	
2	110590	LÊ QUỲNH ANH	21/01/07	21	21	19	27				20	
3	110467	NGUYỄN HÀ ANH	06/02/07	17	17	15	24				19	
4	110294	NGUYỄN KHÁNH ANH	15/11/07	11	11	10	20				18	
5	110367	NGUYỄN MINH ANH	30/09/07	14	14	12	22				19	
6	110347	NGUYỄN NGỌC TÚ ANH	17/11/07	13	13	12	21				19	
7	110142	NGUYỄN THỊ HÀ ANH	29/10/07	6	6	5	17				17	
8	110338	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	09/02/07	13	13	11	21				18	
9	110132	PHẠM THẢO ANH	27/12/07	5	5	5	16				17	
10	110399	TRẦN PHƯƠNG ANH	17/06/07	15	15	13	22				19	
11	110339	TRẦN NGỌC BÍCH	24/10/07	13	13	11	21				18	
12	110432	NGUYỄN NGỌC BÌNH	17/12/07	16	16	14	23				19	
13	110411	TỪ NGỌC PHƯƠNG CHI	29/08/07	15	15	14	23				19	
14	110096	VŨ THÙY DƯƠNG	27/07/07	4	4	4	16				16	
15	110267	TRỊNH MINH ĐĂNG	29/10/07	10	10	9	19				18	
16	110526	TRẦN TRƯỜNG GIANG	19/01/07	19	19	17	26				20	
17	110268	LÊ VIỆT HOÀNG	29/10/07	10	10	9	19				18	
18	110188	VŨ MINH HUY	28/06/07	7	7	6	18				17	
19	110493	LÊ HÀ HƯƠNG	05/03/07	18	18	16	25				20	
20	110349	HOÀNG MINH KHANG	05/12/07	13	13	12	21				19	
21	110478	PHẠM NGUYỄN DIỆU KHANH	20/08/07	18	18	15	24				20	
22	110582	BÙI ĐỨC KHÁNH	23/08/07	21	21	18	27				20	
23	110252	LÊ ANH KHOA	08/01/07	9	9	9	19				18	
24	110489	PHẠM TUẤN KHOA	24/03/07	18	18	16	25				20	
25	110434	HOÀNG TRUNG KIÊN	12/09/07	16	16	14	23				19	
26	110299	TRỊNH BÁ THANH LÂM	29/08/07	11	11	10	20				18	
27	110469	ĐỖ KHÁNH LINH	22/10/07	17	17	15	24				19	
28	110518	MAI KHÁNH LINH	01/11/07	19	19	17	25				20	
29	110170	NGUYỄN DOÃN THÙY LINH	30/01/07	7	7	6	17				17	
30	110481	NGUYỄN THÙY LINH	11/11/07	18	18	15	24				20	
31	110317	VŨ DIỆU LINH	21/06/07	12	12	11	20				18	
32	110153	VŨ KHÁNH LINH	24/05/07	6	6	5	17				17	
33	110568	NGUYỄN DUY QUANG MINH	02/08/07	21	21	18	27				20	
34	110578	TRẦN PHƯƠNG KIM NGÂN	09/02/07	21	21	18	27				20	
35	110270	TRỊNH THU NGÂN	23/09/07	10	10	9	19				18	
36	110146	VŨ CHÍNH NGHĨA	24/06/07	6	6	5	17				17	
37	110194	ĐÀO KHÁNH NGỌC	12/11/07	7	7	7	18				17	
38	110426	LƯU HỒNG NGỌC	16/11/06	16	16	14	23				19	
39	110529	NGUYỄN VŨ NHƯ NGỌC	13/04/07	19	19	17	26				20	
40	110331	PHẠM HỒNG NGỌC	20/06/07	12	12	11	21				18	
41	110332	NGUYỄN HẢI NGUYỄN	10/06/07	12	12	11	21				18	
42	110490	PHẠM KHÔI NGUYỄN	25/11/07	18	18	16	25				20	
43	110040	LƯU THỊ YẾN NHI	06/11/07	2	2	2	15				16	
44	110351	VŨ NAM PHONG	17/01/07	13	13	12	21				19	
45	110283	NGUYỄN TRƯỜNG PHÚC	26/01/07	11	11	9	20				18	
46	110363	VŨ TUẤN THÀNH	08/08/07	13	13	12	22				19	
47	110085	LÊ THANH THẢO	06/12/07	4	4	3	16					
48	110406	NGUYỄN THANH THẢO	11/06/07	15	15	13	22				19	
49	110272	VŨ MINH TIẾN	19/10/07	10	10	9	19				18	
50	110650	HOÀNG KHÁNH VINH	27/08/07	23	23	20	29				20	

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 11B11

Khóa ngày 17-23/5/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	110487	ĐỖ THỊ MINH ANH	25/06/07	18	18	16					20	
2	110517	NGUYỄN NGỌC ANH	23/02/07	19	19					20	20	
3	110431	NGUYỄN NGỌC TRÂM ANH	16/01/07	16	16	14					19	19
4	110398	NGUYỄN PHAN MỸ ANH	06/09/07	15	15	13					19	19
5		NGUYỄN THANH NHẬT ANH	17/08/07									
6	110535	PHẠM NGỌC ANH	26/05/07	20	20	17						20
7	110095	PHẠM QUANG ANH	07/11/07	4	4					17	16	
8	110400	TRẦN PHƯƠNG ANH	06/06/07	15	15	13					19	
9	110276	TRƯƠNG HOÀNG BẢO ANH	03/12/07	10	10	9						18
10	110076	VŨ QUỲNH ANH	08/01/07	3	3	3						16
11	110618	VŨ TUẤN ANH	30/04/07	22	22	20					20	20
12	110485	PHẠM MINH CHÂU	03/12/07	18	18	16					20	
13	110382	NGUYỄN DIỆP CHI	06/11/07	14	14	13					19	
14	110049	HỒ ANH ĐỨC	21/10/07	2	2	2					16	
15	110342	ĐÀO QUANG HUY	16/08/07	13	13	11					18	19
16	110536	TRẦN MINH HƯƠNG	21/11/07	20	20	17					20	20
17	110315	NGUYỄN THỊ NGỌC KHÁNH	04/11/07	12	12	11						19
18	110181	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LINH	25/06/07	7	7	6					17	18
19	110206	PHAN THÙY LINH	08/09/07	8	8	7					17	
20	110083	PHẠM KHÁNH LINH	23/04/07	3	3	3						16
21	110039	LÊ HẢI KHÁNH LY	28/03/07	2	2	2					16	16
22	110042	BÙI THANH MAI	07/02/07	2	2						16	16
23	110318	NGUYỄN PHƯƠNG MAI	28/09/07	12	12	11						19
24	110253	NGUYỄN NGỌC MINH	30/11/07	10	10	9				18	18	18
25	110192	NGUYỄN NGỌC HƯƠNG MINH	14/09/07	7	7	7					17	
26	110021	NGUYỄN HOÀNG KHÁNH NAM	02/03/07	1	1	1					16	16
27	110193	ĐẶNG KHÁNH NGÂN	07/11/07	7	7	7					17	18
28	110300	NGUYỄN HỒNG NGỌC	29/11/07	11	11	10					18	
29	110613	VŨ HÀ THẢO NGUYỄN	29/01/07	22	22	19					20	20
30	110446	NGUYỄN ANH THÁI	03/04/07	16	16	14						19
31	110395	PHẠM PHƯƠNG THẢO	18/06/07	15	15					19	19	
32	110614	ĐÀM PHƯƠNG THÙY	23/11/07	22	22	19					20	
33	110309	PHÙNG MINH THƯ	16/02/07	12	12	10					18	
34	110455	LÊ MINH TRANG	08/03/07	17	17	15					19	
35	110199	LÃ THỊ THẢO VY	22/07/07	8	8	7						18

DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI

LỚP: 11B12

Khóa ngày 17-23/5/2024

TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	110168	PHẠM NGỌC HUYỀN ANH	23/07/07	6	6	6				18		17
2	110296	BÙI QUỲNH CHI	25/10/07	11	11	10						19
3	110531	TRẦN THỊ KIM CÚC	25/07/07	19	19	17						20
4	110133	BÙI HƯƠNG GIANG	31/01/07	5	5	5					17	17
5	110657	NGUYỄN THANH GIANG	11/06/07	24	24	21						20
6	110187	TRẦN HƯƠNG GIANG	14/08/07	7	7	6						18
7	110179	DƯƠNG THU HÀ	11/11/07	7	7	6						17
8	110413	LÊ MINH HÀ	06/12/07	15	15	14						19
9	110328	NGUYỄN NGÂN HÀ	31/12/07	12	12	11						19
10	110656	TRẦN NGÂN HÀ	22/04/07	24	24	21						20
11	110091	LÊ GIA HÂN	23/06/07	4	4	3						17
12	110118	BÙI PHƯƠNG HUYỀN	17/04/07	5	5	4						17
13	110144	BÙI THỊ THU HUYỀN	10/05/07	6	6	5						17
14	110189	PHẠM KHÁNH HUYỀN	25/08/07	7	7	7						18
15	110390	TRỊNH KHÁNH HUYỀN	06/04/07	14	14	13						19
16	110605	PHẠM THU HƯƠNG	05/06/07	22	22	19						20
17	110401	VŨ MINH KHÁNH	02/11/07	15	15	13						19
18	110092	NGUYỄN TRÚC LAM	05/06/07	4	4	3						17
19	110350	ĐỖ TÔ KHÁNH LINH	12/07/07	13	13	12						19
20	110082	NGUYỄN THÙY LINH	06/08/07	3	3	3						16
21	110217	TẠ THẢO LINH	21/01/07	8	8	7						18
22		TRẦN PHƯƠNG LINH	03/10/07									
23	110162	NGÔ THANH MAI	28/12/07	6	6	6						17
24	110111	PHẠM HUYỀN MY	20/01/07	4	4	4						17
25	110606	NGÔ TRẦN BẢO NHI	04/11/07	22	22	19						20
26	110460	BÙI TRANG NHUNG	20/08/07	17	17	15						19
27	110101	PHÙNG THỊ HÀ NHƯ	20/12/07	4	4	4						17
28	110073	ĐÀO THỊ THU PHƯƠNG	25/11/07	3	3	3						16
29	110284	ĐỖ NAM PHƯƠNG	22/09/07	11	11	10						19
30	110290	NGUYỄN VŨ MAI PHƯƠNG	02/02/07	11	11	10						19
31	110183	TRẦN VIỆT QUANG	19/02/07	7	7	6						18
32	110129	NGUYỄN NGỌC NHƯ QUỲNH	16/11/07	5	5	5						17
33	110122	PHẠM ĐIỆP QUỲNH	30/06/07	5	5	4						17
34	110209	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	09/11/07	8	8	7						18
35	110197	ĐÀO ANH THƯ	10/07/07	8	8	7						18
36	110427	BÙI NGUYỄN BẢO TRÂM	18/12/07	16	16	14						19
37	110257	NGÔ PHẠM PHƯƠNG UYÊN	22/04/07	10	10	9						18
38	110674	ĐỖ PHƯƠNG VY	12/11/07	24	24	21						20

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYÊN KHẢO SÁT NCCL KHỐI 10,11 NĂM HỌC 2023 - 2024				DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI								
				LỚP: 11B13								
				Khóa ngày 17-23/5/2024								
TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	110115	ĐẶNG NGỌC ANH	12/09/07	5	5	4						17
2	110002	NGUYỄN NGỌC ANH	27/09/07	1	1	1				16	16	16
3	110047	NGUYỄN THỊ DIỆP ANH	01/03/07	2	2	2						16
4	110116	VŨ THỤC ANH	01/09/07	5	5	4					17	17
5	110599	HOÀNG HIỆU BÌNH	23/02/07	22	22	19						20
6	110458	NGUYỄN PHẠM QUỲNH CHI	01/07/07	17	17	15						19
7	110068	PHẠM DIỆP CHI	27/01/07	3	3	3						16
8	110063	PHẠM QUỲNH CHI	12/08/07	3	3	2						16
9	110488	TRẦN HẢI DUY	22/06/07	18	18	16						20
10	110034	ĐỖ THÙY DƯƠNG	27/10/07	2	2	2				16		
11	110090	ĐẶNG THÁI HÀ	26/12/07	4	4	3					16	
12	110169	ĐOÀN BẢO HÂN	30/05/07	7	7	6						17
13	110527	VŨ NGỌC HIẾU	25/05/07	19	19	17						20
14	110215	HOÀNG THANH HUYỀN	08/09/07	8	8	7					17	
15	110216	NGUYỄN MINH HUYỀN	17/08/07	8	8	7						18
16	110104	BÙI KHÁNH LINH	02/09/07	4	4	4				17		
17	110024	NGUYỄN BÙI DIỆU LINH	24/06/07	1	1	1					16	
18	110190	NGUYỄN LƯU TRANG LINH	25/02/07	7	7	7				18		18
19	110424	TÔNG KHÁNH LINH	25/09/07	16	16	14					19	
20	110550	VŨ MAI LINH	17/10/07	20	20	17						20
21	110136	ĐỖ NGỌC TUỆ MINH	23/12/07	5	5	5						17
22	110562	BÙI HẢI HÀ MY	07/12/07	20	20	18				21		20
23	110307	VŨ THỊ THÙY MY	02/07/07	11	11	10				19	18	19
24	110320	TRẦN VŨ MINH NGỌC	28/12/07	12	12	11						19
25	110137	PHẠM MINH NHẬT	17/11/07	5	5	5					17	
26	110041	PHẠM THỊ QUỲNH NHƯ	18/05/07	2	2	2						16
27	110221	BÙI MAI PHƯƠNG	18/07/07	8	8	8					17	
28	110164	LÊ TRẦN NHẬT PHƯƠNG	26/03/07	6	6	6				17	17	17
29	110563	NGUYỄN ANH QUÂN	02/10/07	20	20	18						20
30	110223	VŨ NGUYỄN PHÚ QUÝ	06/06/07	8	8	8				18		18
31	110196	ĐINH THỊ MINH THẢO	08/04/07	7	7	7						18
32	110224	NGUYỄN NGÂN THẢO	13/02/07	8	8	8						18
33	110086	NGUYỄN NGỌC THU	29/07/07	4	4	3						16
34	110352	PHẠM THÙY TRANG	15/07/07	13	13	12					19	19
35	110198	ĐÀO THU UYÊN	07/07/07	8	8	7					17	18
36	110569	HỒ KHÁNH UYÊN	03/10/07	21	21	18						20
37	110089	LÊ THỊ HỒNG VÂN	28/04/07	4	4	3						17
38	110123	TRẦN KHÁNH VÂN	12/05/07	5	5	4						17
39	110333	BÙI QUANG VINH	29/10/07	12	12	11						19
40	110365	TRẦN HOÀNG PHƯƠNG VY	24/01/07	14	14	12						19

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYÊN KHẢO SÁT NCCL KHỐI 10,11 NĂM HỌC 2023 - 2024				DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI								
				LỚP: 11B14								
				Khóa ngày 17-23/5/2024								
TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	110237	BÙI PHƯƠNG ANH	14/10/07	9	9	8				18	18	
2	110213	ĐỖ MAI ANH	21/10/07	8	8	7						18
3	110214	NGUYỄN DIỆU ANH	19/01/07	8	8	7				18	17	
4	110017	NGUYỄN NHẬT QUÊ ANH	12/11/07	1	1	1				16		
5	110009	NGUYỄN VŨ QUỲNH ANH	26/03/07	1	1	1				16		16
6	110447	PHẠM LÊ QUỲNH ANH	20/04/07	16	16	14				20	19	
7	110043	LẠI DIỆP CHI	06/10/07	2	2	2				16		16
8	110016	VŨ ĐỨC CƯỜNG	19/04/07	1	1	1						16
9	110679	TRƯƠNG THÀNH ĐẠT	27/04/07	24	24	21				21		20
10	110007	NGUYỄN ĐÀO THANH HÀ	19/02/07	1	1	1				16		16
11	110204	PHẠM CẨM HÀ	24/11/07	8	8	7						18
12	110065	NGUYỄN VIỆT HÂN	14/12/07	3	3	2				16		16
13	110180	NGUYỄN PHƯƠNG HIỀN	07/04/07	7	7	6						18
14	110232	NGUYỄN NGỌC HUYỀN	29/03/07	9	9	8						18
15	110079	TRẦN NGỌC KHÁNH	06/05/07	3	3	3				17		16
16	110289	ĐẶNG KHÁNH LINH	12/02/07	11	11					18	18	
17	110479	HOÀNG CẨM LINH	19/10/07	18	18	15					20	20
18	110080	LÊ ĐỖ DIỆU LINH	11/09/07	3	3	3				17	16	
19	110609	LÊ NGUYỄN GIA LINH	11/07/07	22	22	19						20
20	110050	NGUYỄN HOÀI LINH	02/12/07	2	2	2				16	16	
21	110495	TRẦN NGỌC LINH	01/03/07	18	18	16				20		20
22	110425	TRẦN TRANG LINH	18/04/07	16	16	14				20	19	
23	110678	ĐÀO NGỌC LONG	02/01/07	24	24	21				21		20
24	110319	NGUYỄN HẢI MINH	14/06/07	12	12	11						19
25	110100	NGUYỄN HOÀNG TUỆ MINH	06/11/07	4	4	4						17
26	110011	NGUYỄN NGỌC MINH	01/11/07	1	1	1				16		16
27	110013	NGUYỄN NGỌC MINH	26/11/07	1	1	1				16		16
28	110445	NGUYỄN HỒNG NAM	03/10/07	16	16	14				20		19
29	110106	PHẠM HOÀNG NAM	11/05/07	4	4	4				17	17	
30	110372	PHẠM THỊ THU NGÂN	15/07/07	14	14	12				19		
31	110631	PHÙNG GIA NGÂN	26/06/07	23	23	20						20
32	110244	TRẦN BẢO NGÂN	05/03/07	9	9	8						18
33	110014	ĐẶNG KHÁNH NGỌC	21/09/07	1	1	1						16
34	110163	LÊ HẢI NGỌC	11/12/07	6	6	6				17		17
35	110497	NGUYỄN KHÁNH NGỌC	21/08/07	18	18	16				20		
36	110107	PHẠM TIẾN NHẬT	28/05/07	4	4	4						17
37	110254	NGUYỄN NGỌC YẾN NHI	28/11/07	10	10	9						18
38	110664	NGUYỄN HOÀNG PHÚC	20/03/07	24	24	21				21	20	
39	110025	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	03/12/07	1	1	1				16	16	
40	110308	PHẠM THỊ MINH PHƯƠNG	18/12/07	11	11	10					18	
41	110278	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	23/08/07	10	10	9				18		18
42	110552	ĐẶNG HƯNG THỊNH	25/08/07	20	20	18						20
43	110521	TRẦN ANH THU	18/08/07	19	19	17					20	
44	110061	NGÔ THỊ MINH TRANG	23/01/07	3	3	2				16	16	
45	110256	NGUYỄN LÊ BẢO TRÂM	28/09/07	10	10	9						18
46	110074	NGUYỄN BẢO TRÂN	19/07/07	3	3	3						16
47	110396	NGUYỄN HOÀNG BẢO TRÂN	30/10/07	15	15					19	19	19
48	110033	LÊ NHẬT TRƯỜNG	24/08/07	2	2	2				16	16	
49	110408	BÙI THỊ CẨM TÚ	24/02/07	15	15	13					19	19
50	110102	PHẠM TUÔNG VY	18/07/07	4	4	4						17

TRƯỜNG THPT NGÔ QUYÊN KHẢO SÁT NCCL KHỐI 10,11 NĂM HỌC 2023 - 2024				DANH SÁCH NIÊM YẾT PHÒNG THI								
				LỚP: 11B15								
				Khóa ngày 17-23/5/2024								
TT	SBD	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	PHÒNG THI								
				Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ 1	VẬT LÝ	Hóa học	Sinh học	Lịch sử	ĐỊA LÍ	GDCD
1	110203	CÁP TRỌNG PHÚC ANH	08/07/07	8	8	7					17	
2	110012	NGUYỄN CHÂU TUỆ ANH	15/12/07	1	1	1					16	
3	110275	NGUYỄN THỊ TÚ ANH	12/12/07	10	10	9					18	
4	110248	PHẠM TRẦN HẢI ANH	22/08/07	9	9	8				18	18	
5	110381	TRẦN NGỌC TÚ ANH	15/09/07	14	14	13				19	19	
6	110006	TRẦN PHƯƠNG ANH	26/12/07	1	1	1				16	16	
7	110048	TRẦN THỊ VÂN ANH	26/06/07	2	2	2				16	16	
8	110019	NGUYỄN HÀ CHI	30/01/07	1	1	1				16		
9	110044	LÊ THỊ THÙY DUNG	07/12/07	2	2	2					16	
10	110306	NGUYỄN MINH DŨNG	06/08/07	11	11	10					18	
11		NGUYỄN THÙY DƯƠNG	14/01/06									
12	110160	ĐOÀN LÊ HƯƠNG GIANG	08/08/07	6	6	6				17	17	17
13	110230	TRẦN KHÁNH GIANG	14/03/07	9	9	8						18
14	110030	ĐÀO NAM GIAO	03/07/07	2	2	1					16	16
15	110070	PHẠM NGÂN HÀ	31/10/07	3	3	3					16	
16	110329	PHÙNG HẢI HÀ	02/01/07	12	12	11					18	
17	110143	VŨ NGỌC THANH HẰNG	04/07/07	6	6	5					17	17
18	110423	PHẠM NGỌC HIẾU	17/06/07	16	16	14				20		
19	110341	NGUYỄN PHẠM THANH HÒA	03/02/07	13	13	11				19		
20	110637	NGUYỄN PHÚ HÙNG	12/12/07	23	23	20				21		
21	110662	LÊ TRẦN MAI KHÁNH	06/04/07	24	24	21						20
22	110316	ĐỖ KHÁNH LINH	19/09/07	12	12	11				19		
23	110038	LÊ NGỌC KHÁNH LINH	24/12/07	2	2	2				16	16	
24	110058	LÊ THỦY LINH	28/09/07	3	3	2					16	16
25	110494	NGUYỄN MAI LINH	16/02/07	18	18	16				20		
26	110172	PHẠM VIỆT LINH	28/05/07	7	7	6				18		
27	110437	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG LINH	15/12/07	16	16	14				20		
28	110642	CAO NGỌC HÀ MY	04/07/07	23	23	20					20	
29	110218	NGUYỄN TRÀ MY	20/09/07	8	8	7				18	17	
30	110586	PHẠM NGA MY	13/10/07	21	21	19				21	20	20
31	110084	PHẠM HẢI KHÁNH NGÂN	09/07/07	3	3	3					16	
32	110402	ĐỖ THẢO NGUYỄN	03/09/07	15	15	13					19	19
33	110008	DIỆP PHƯƠNG NHI	25/09/07	1	1	1						16
34	110032	LÊ VÂN NHI	31/07/07	2	2	1				16		
35	110093	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	26/06/07	4	4	3				17		
36	110112	ĐÀO THỊ MINH PHƯƠNG	09/04/07	4	4	4						17
37	110519	ĐÌNH VŨ MINH PHƯƠNG	25/05/07	19	19	17						20
38	110245	VŨ NGUYỄN QUỲNH PHƯƠNG	19/08/07	9	9	8				18		
39	110094	NGUYỄN NGỌC THẢO	03/07/07	4	4	3				17	16	
40	110155	PHAN VŨ ANH THƯ	03/08/07	6	6	5					17	
41	110005	PHẠM HUYỀN TRÂM	26/07/07	1	1	1				16	16	
42	110166	TRẦN THỊ PHƯƠNG UYÊN	01/10/07	6	6	6						17
43	110075	PHẠM HOÀNG VÂN	21/12/07	3	3	3						16
44	110310	VŨ NGỌC KHÁNH VÂN	09/03/07	12	12	10					18	
45	110374	ĐÀO THỊ CẨM VI	24/12/07	14	14	12						19
46	110246	TRẦN THẢO VI	30/06/07	9	9	8				18	18	
47	110156	PHẠM PHƯƠNG VY	06/01/07	6	6	5					17	
48	110585	TRUNG ĐOÀN HƯƠNG XUÂN	08/12/07	21	21	19					20	20